

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Đinh Hồng Long	Chủ tịch
2. Ông Đào Mạnh Kháng	Phó Chủ tịch
3. Ông Phạm Hồng Hải	Ủy viên
4. Ông Lưu Quang Minh	Ủy viên
5. Bà Lương Thị Anh Hà	Ủy viên
6. Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên

Ban Giám đốc

1. Ông Lưu Quang Minh	Tổng Giám đốc	Từ ngày 01/05/2011
2. Ông Đinh Hồng Long	Tổng Giám đốc	Đến ngày 01/05/2011
3. Ông Nguyễn Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 06/06/2011
4. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Phó Tổng Giám đốc	
5. Bà Phạm Thị Hà Thương	Phó Tổng Giám đốc	
6. Ông Hoàng Văn Diện	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hải Yến

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY Ltd) - Thành viên độc lập của Hãng kiểm toán quốc tế UHY INTERNATIONAL (UHY).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép và trình bày hợp lý, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã được lập theo đúng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Lưu Quang Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
 Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) lập tại ngày 15/08/2011 từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011 cùng với các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011. Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội tại ngày 30/06/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi không phủ nhận ý kiến trên mà chỉ lưu ý người đọc Báo cáo tài chính điểm sau:

Như đã nêu tại thuyết minh số 11, giá trị các khoản đầu tư dài hạn bao gồm đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011 theo giá gốc.

Nguyễn Tự Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1226/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0933/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		439.633.379.240	471.282.095.741
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.065.016.523	107.289.660.998
Tiền	111		4.065.016.523	27.289.660.998
Các khoản tương đương tiền	112		-	80.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	284.312.470.403	66.858.559.019
Đầu tư ngắn hạn	121		285.763.173.227	68.745.582.065
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.450.702.824)	(1.887.023.046)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		116.013.872.276	261.686.611.583
Phải thu khách hàng	131		22.539.617.288	20.548.885.160
Trả trước cho người bán	132		85.143.524	199.390.051.919
Các khoản phải thu khác	135	6	93.662.403.955	41.797.550.095
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(273.292.491)	(49.875.591)
Hàng tồn kho	140	7	6.108.411.659	2.327.454.674
Hàng tồn kho	141		6.108.411.659	2.327.454.674
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		29.133.608.379	33.119.809.467
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		190.570.626	142.631.583
Thuế GTGT được khấu trừ	152		98.093.232	32.951.963
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	28.844.944.521	32.944.225.921
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		385.990.474.230	119.635.161.157
Tài sản cố định	220		5.109.639.793	4.542.197.755
Tài sản cố định hữu hình	221	9	5.109.639.793	4.542.197.755
- Nguyên giá	222		6.765.582.298	5.794.120.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.655.942.505)	(1.251.922.725)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		379.502.086.505	113.367.350.000
Đầu tư vào công ty con	251	10	2.000.000.000	2.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	550.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	11	394.937.812.720	110.817.350.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(17.435.726.215)	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.378.747.932	1.725.613.402
Chi phí trả trước dài hạn	261		378.747.932	725.613.402
Tài sản dài hạn khác	268		1.000.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		825.623.853.470	590.917.256.898

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		470.609.463.480	226.385.661.966
Nợ ngắn hạn	310		470.609.463.480	226.385.661.966
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	292.201.019.421	136.517.823.590
Phải trả người bán	312		40.221.831.440	354.651.613
Người mua trả tiền trước	313		7.521.291.430	12.334.563.350
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	13.923.301.377	15.505.512.403
Phải trả người lao động	315		464.642.318	-
Chi phí phải trả	316		8.269.976.256	1.943.846.164
khác	319	15	104.185.418.839	59.444.805.908
Quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành	323		3.821.982.399	284.458.938
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16	355.014.389.990	364.531.594.932
Vốn chủ sở hữu	410		355.014.389.990	364.531.594.932
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		324.533.600.000	324.533.600.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		24.836.524.364	24.836.524.364
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(12.789.070.000)	(12.501.070.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417		3.871.413.179	1.209.778.494
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.268.410.925	604.889.247
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.293.511.522	25.847.872.827
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		825.623.853.470	590.917.256.898

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
Ngoại tệ các loại (USD)			1.066,59	1.072,92

Lưu Quang Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	163.730.196.435	129.167.671.483
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	163.730.196.435	129.167.671.483
Giá vốn hàng bán	11	18	152.865.404.508	89.406.107.493
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.864.791.927	39.761.563.990
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	33.228.098.365	28.169.419.005
Chi phí tài chính	22	20	56.260.071.546	18.606.284.960
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>17.461.156.791</i>	<i>3.150.932.278</i>
Chi phí bán hàng	24	21	2.697.467.251	6.225.536.772
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	3.750.224.209	3.227.350.137
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.614.872.714)	39.871.811.126
Thu nhập khác	31	23	35.000.000.000	272.813.422
Chi phí khác	32	24	1.200.880.000	49.437.020
Lợi nhuận khác	40		33.799.120.000	223.376.402
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.184.247.286	40.095.187.528
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	4.105.592.527	9.848.834.062
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		11.078.654.759	30.246.353.466

Lưu Quang Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	302.491.917.403	196.750.202.949
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(214.443.480.954)	(211.232.816.570)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.965.400.511)	(1.918.677.841)
Tiền chi trả lãi vay	04	(16.021.467.315)	(3.795.154.852)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(1.170.523.366)	(15.983.845)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	24.870.409.760	9.147.163.693
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(6.817.709.884)	(8.564.511.341)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	86.943.745.133	(19.629.777.807)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(971.461.818)	(917.425.818)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	272.727.273
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(485.273.853.267)	(408.584.453.990)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	211.384.415.498	419.587.866.927
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(8.718.920.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.550.000.000	1.920.510.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.651.141.583	2.289.315.712
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(257.659.758.004)	5.849.620.104
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(288.000.000)	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	579.627.536.985	362.564.364.750
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(511.848.168.589)	(321.937.653.816)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(68.501.583)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	67.491.368.396	40.558.209.351
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(103.224.644.475)	26.778.051.648
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	107.289.660.998	7.714.636.862
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.065.016.523	34.492.688.510

Lưu Quang Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội, được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103016510 ngày 30/03/2007 (thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 10 ngày 06/05/2011) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 134/LĐTBXH-GP ngày 26/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6 Tòa nhà Viglacera, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10, vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 324.533,6 triệu đồng Việt Nam, chia thành 32.453.360 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong kỳ, Công ty thực hiện mua lại 20.000 cổ phiếu quỹ, tổng số cổ phiếu quỹ của Công ty tại ngày 30/06/2011 là 830.000 CP. Số cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 30/06/2011 của Công ty là 31.623.360 cổ phiếu. Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SHN (ngày chào sàn 16/12/2009).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh ô tô, xe máy và phụ tùng ô tô, xe máy;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị;
- Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường;
- Giám sát thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: bao gồm các dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ giám định hàng hóa; định giá tài sản thuộc thẩm quyền của Nhà nước; không bao gồm tư vấn giá đất);
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Kinh doanh sắt, thép, phôi thép và kim loại màu;
- Mua, bán lương thực, thực phẩm, phân bón các loại;
- Và các hoạt động kinh doanh khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2010.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền mỗi tháng.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu được tại thời điểm cuối kỳ. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc giai đoạn.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian sử dụng (năm)</u>
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi sổ theo giá gốc. Lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các tổ chức kinh tế mà Công ty có tham gia góp vốn. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phát sinh khác (ngoài lợi nhuận được chia) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tài chính khác được lập vào thời điểm cuối giai đoạn là số chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá thị trường của chúng tại ngày này. Theo đó, dự phòng giảm giá đối với các loại chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường tại ngày lập báo cáo thấp hơn giá đang hạch toán trên sổ kế toán. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi tổ chức này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỉ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Giá trị các khoản đầu tư dài hạn bao gồm đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo giá gốc.

3.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông về chia cổ tức.

3.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Các khoản vay của Công ty trong kỳ gồm các khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Toàn bộ chi phí lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty phát sinh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành, được khách hàng thanh toán hoặc chấp thuận thanh toán.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	1.633.097.551	650.488.167
Tiền gửi ngân hàng	2.431.918.972	26.639.172.831
Các khoản tương đương tiền	-	80.000.000.000
	4.065.016.523	107.289.660.998

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	CP	30/06/2011 VND	CP	01/01/2011 VND
- Cổ phiếu Đầu tư ngắn hạn	1.092.310	9.959.985.747	1.223.217	22.443.900.567
<u>Cổ phiếu niêm yết</u>				
Ngân hàng TMCP Á Châu	57	1.397.085	70.057	1.895.562.430
Công ty CP Xây lắp dầu khí	65	1.180.438	60.065	1.321.397.676
Công ty CP vật liệu xây dựng Đà Nẵng	218.660	1.295.889.000	42.660	649.387.767
Công ty CP Cơ điện và XD Việt Nam	-	-	90.000	1.529.100.000
Công ty CP Sông Đà 3	55.400	384.560.000	70.400	1.189.834.320
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	50.000	580.000.000
Công ty CP Thép Việt Ý	-	-	45.000	1.823.868.000
Công ty CP ĐT Hạ tầng & Đô thị Dầu khí	-	-	171.000	2.038.500.000
Công ty CP SIMCO Sông Đà	-	-	20.000	462.266.667
Công ty CP KD khí hoá lỏng Miền Bắc	-	-	134.500	2.070.996.948
Công ty CP Sông Đà 704	19.100	174.249.759	25.000	534.642.857
Công ty CP Sông Đà 6	25.000	285.460.000	50.000	1.121.068.572
Công ty CP Sông Đà 9	-	-	30.000	760.525.714
Công ty CP TM dầu khí Sông Đà	30.000	219.000.000	50.000	1.119.800.000
Quỹ đầu tư CK Việt Nam	-	-	100.000	1.179.983.000
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	97.500	652.808.228	65.000	937.828.571
Công ty CP Đầu tư CMC	46.900	494.710.000	25.000	525.944.201
Công ty CP bánh kẹo Hải Hà	-	-	21.000	554.380.000
Công ty CP Tập đoàn đầu tư Thăng Long	179.100	1.321.280.000	30.000	581.819.999
Công ty CP Sông Đà 1	288.400	3.500.956.882	-	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG	46.400	468.640.000	-	-
Công ty CP Xây dựng số 11	35.000	324.400.000	-	-
Các cổ phiếu niêm yết khác	50.728	835.454.355	73.535	1.566.993.845
- Đầu tư ngắn hạn khác		275.803.187.480		46.301.681.498
Cho cá nhân và tổ chức kinh tế vay		275.682.332.480		46.180.826.498
<i>Trong đó:</i>				
- Công ty CP BETA Bộ Quốc phòng vay (*)		200.000.000.000		-
- Cá nhân và tổ chức kinh tế khác vay(**)		75.682.332.480		46.180.826.498
Thẻ Golf		120.855.000		120.855.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.450.702.824)		(1.887.023.046)
Cổ phiếu niêm yết		(1.450.702.824)		(1.887.023.046)
	1.092.310	284.312.470.403	1.223.217	66.858.559.019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP)**

(*) Công ty CP BETA Bộ Quốc phòng vay: Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011 và phụ lục 01 ngày 03/04/2011 (Thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT/2011 ngày 21/01/2011).

Theo công văn số 26/2011/CV-TĐM ngày 14/06/2011 của Công ty CP BETA Bộ Quốc phòng, số nợ gốc và lãi liên quan đến hợp đồng này được chuyển sang cá nhân ông Nguyễn Anh Quân - Tổng Giám đốc Công ty CP BETA Bộ Quốc phòng. Khoản vay sẽ được đảm bảo bởi phần vốn góp vào Công ty CP Bất động sản Âu Lạc do ông Nguyễn Thanh Tùng đứng tên sở hữu với số cổ phần 13.770.000 cổ phần, tương đương giá trị 335 tỷ đồng, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty CP Bất động sản Âu Lạc.

(**): Giá trị đầu tư ngắn hạn khác chủ yếu là các khoản Công ty cho các cá nhân vay lại theo quy chế của Hội đồng Quản trị Công ty về việc huy động vốn nhân rồi của các thành viên trong Công ty và các tổ chức hoặc cá nhân ngoài xã hội. Theo quy chế này, các cá nhân có tài sản cho Công ty mượn làm tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng thì được vay lại tối đa 65% số tiền mà Công ty được vay với lãi suất theo lãi suất ngân hàng.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu tiền bán chứng khoán	47.405.000	38.258.054.106
Ứng tiền góp vốn đầu tư bất động sản	2.391.200.000	2.520.000.000
Lãi hợp đồng Repo chứng khoán		22.664.889
Phải thu lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Cơ điện và Công trình (1)	510.225.000	481.675.000
Phải thu Ông Nguyễn Anh Quân, chi tiết:	87.007.226.646	-
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC (2), gồm:	75.638.888.889	-
+ Lãi vay phải thu	2.638.888.889	-
+ Tiền gốc góp vốn đầu tư	38.000.000.000	-
+ Tiền phạt vi phạm hợp đồng	35.000.000.000	-
- Phải thu lãi vay hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA (3)	11.368.337.757	-
Tiền lãi vay phải thu khác	3.705.638.339	515.156.100
Phải thu khác	708.970	-
	93.662.403.955	41.797.550.095

(1) Số phải thu Công ty CP Cơ điện và Công trình về lãi hợp đồng hợp tác liên doanh theo đồng hợp tác liên doanh ngày 22/01/2008. Đến hết ngày 30/06/2011, hợp đồng này đã hết thời hạn và Công ty CP Cơ điện và Công trình đã thanh toán hết tiền gốc góp vốn cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (TIẾP)**

(2) Ngày 22/03/2011, Công ty ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC với Công ty CP BETA Bộ Quốc phòng về việc hợp tác đầu tư dự án Thanh Hà. Công ty đã chuyển cho Công ty CP BETA Bộ Quốc phòng tổng số tiền là 38.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 14/06/2011, Công ty CP BETA Bộ Quốc phòng đã có công văn số 26/2011/CV-TĐM gửi cho Công ty đề nghị chấm dứt trước hạn hợp đồng hợp tác đầu tư nói trên. Theo đó, Công ty CP BETA Bộ Quốc phòng phải trả cho Công ty phần vốn đã góp là 38.000.000.000 đồng cùng lãi vay 2.638.888.889 đồng và khoản phạt do vi phạm hợp đồng là 35.000.000.000 đồng.

(3) Lãi vay phải thu theo hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/BETA ngày 27/01/2011 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 03/04/2011. Chi tiết về hợp đồng này được trình bày tại thuyết minh số 5.

Toàn bộ công nợ phải thu Công ty CP BETA Bộ Quốc phòng theo 2 hợp đồng trên được chuyển sang cho ông Nguyễn Anh Quân - Tổng Giám đốc Công ty CP BETA Bộ Quốc phòng theo Công văn số 26/2011/CV-TĐM ngày 14/06/2011 của Công ty CP BETA Bộ Quốc phòng.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	6.108.411.659	2.327.454.674
Giá trị gốc của hàng tồn kho	6.108.411.659	2.327.454.674

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	28.797.444.521	17.092.983.921
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	47.500.000	15.851.242.000
- Ký quỹ bằng tiền	47.500.000	15.851.242.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	-	-
Công ty CP Chứng khoán TM và Công nghiệp Việt Nam	-	3.746.982.000
Công ty Cổ phần chứng khoán MHB	47.500.000	3.964.260.000
- Cầm cố, ký quỹ bằng chứng khoán	-	8.140.000.000
Tổng công ty CP bảo hiểm dầu khí Việt Nam	-	8.140.000.000
	28.844.944.521	32.944.225.921

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2011	5.581.719.586	212.400.894	5.794.120.480
Tăng trong kỳ	971.461.818	-	971.461.818
- <i>Tăng do mua mới</i>	971.461.818	-	971.461.818
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/06/2011	6.553.181.404	212.400.894	6.765.582.298
HAO MÒN LUỸ KẾ			
01/01/2011	1.122.610.816	129.311.909	1.251.922.725
Khấu hao trong kỳ	384.966.818	19.052.962	404.019.780
- <i>Trích khấu hao trong năm</i>	384.966.818	19.052.962	404.019.780
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/06/2011	1.507.577.634	148.364.871	1.655.942.505
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2011	4.459.108.770	83.088.985	4.542.197.755
30/06/2011	5.045.603.770	64.036.023	5.109.639.793

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/06/2011	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	VND	VND	(%)	(%)
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000	100%	100%
Địa chỉ: Nhà Vườn NB42 KĐT Trung hòa Nhân Chính - Hà Nội				
Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô; buôn bán nông lâm sản, nguyên liệu và động vật sống.				
	2.000.000.000			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 6, Tòa nhà Viglacera, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/06/2011		01/01/2011	
	CP	VND	CP	VND
- Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư cổ phiếu dài hạn	-	41.440.350.000	-	29.700.350.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.995.035	41.440.350.000	2.195.035	29.700.350.000
+ Công ty CP PV INCONESS	789.035	11.739.350.000	789.035	11.739.350.000
+ Công ty CP Chứng khoán Hà nội	60.000	2.100.000.000	60.000	2.100.000.000
+ Công ty CP phát triển hạ tầng Hà Nội	1.338.000	13.380.000.000	978.000	9.780.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Tài chính Findex	148.000	1.776.000.000	148.000	1.776.000.000
+ Tổng Công ty CP Điện tử tin học	20.000	380.000.000	20.000	380.000.000
+ Công ty CP FLC	150.000	3.000.000.000	150.000	3.000.000.000
+ Công ty CP Thiết bị phụ tùng Sài Gòn	490.000	9.065.000.000	50.000	925.000.000
- Đầu tư dài hạn khác		353.497.462.720		81.117.000.000
+ Dự án khu nhà ở văn phòng Tây Mỗ		25.000.000.000		25.000.000.000
+ Dự án toà nhà văn phòng và khu chung cư cao cấp Mỹ Đình		5.067.000.000		5.067.000.000
+ Dự án Khu biệt thự Quang Hương		800.000.000		800.000.000
+ Công ty CP Thủy điện Đăkpru HANIC		3.900.000.000		3.900.000.000
+ Công ty CP Xuân Minh SĐ Thanh Hoa		5.850.000.000		5.850.000.000
+ Dự án Trạm thu phí Hoàng Mai		13.500.000.000		15.500.000.000
+ Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm CN Diềm Thụy		25.000.000.000		25.000.000.000
+ Dự án CT1 - The Pride (*)		274.380.462.720		-
	2.995.035	394.937.812.720	2.195.035	110.817.350.000

Ghi chú: Khoản đầu tư dài hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày theo giá gốc, ngoại trừ khoản dự phòng trình bày tại thuyết minh số 12.

- (*) Dự án thực hiện theo thỏa thuận hợp tác đầu tư với Công ty và Công ty CP Đầu tư Hải Phát (chủ đầu tư) về việc góp vốn đầu tư và kinh doanh dự án “CT1 - Tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc khu đô thị mới An Hưng - Hà Đông - Hà Nội”. Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư và phụ lục 06, Công ty sẽ góp vốn vào dự án với tổng số tiền là: 215.263.339.200 đồng với diện tích sàn 9.856,38 m2 từ tầng 7 đến tầng 33. Thỏa thuận hợp tác đầu tư chia làm nhiều giai đoạn góp vốn. Giá trị phải góp đợt 4 là 21.526.333.920 đồng.

12. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Đây là khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với khoản đầu tư vào dự án “CT1 - Tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc khu đô thị mới An Hưng - Hà Đông - Hà Nội”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Long Biên	33.342.681.841	8.315.428.190
Ngân hàng Techcombank - Hội sở (*)	17.511.628.125	50.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán TM và Công nghiệp Việt Nam	-	6.699.000.000
Công ty CP chứng khoán MHB	-	2.412.100.000
Công ty CP Chứng khoán Thăng Long	-	-
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Hà Nội	-	3.859.970.400
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô (*)	49.080.000.000	50.000.000.000
Ứng trước tiền bán chứng khoán tại Công ty Chứng khoán Nam Việt	47.000.000	-
Vay các cá nhân (**)	192.219.709.455	15.231.325.000
	292.201.019.421	136.517.823.590

(*) Các khoản vay hai ngân hàng này được Công ty thế chấp bằng một số căn hộ mà Công ty được quyền bán thuộc dự án CT1 - Tổ hợp Thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc Khu đô thị An Hưng – Hà Đông – Hà Nội.

(**) Trong đó có số dư vay cá nhân liên quan đến dự án CT1 - Tổ hợp Thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc Khu đô thị An Hưng – Hà Đông – Hà Nội với số tiền là 112.788.314.055 đồng. Các khoản vay này không tính lãi suất.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	85.345.894	4.913.306.492
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.381.010.428	10.413.229.827
Thuế thu nhập cá nhân	120.866.045	178.976.084
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp	336.079.010	-
	13.923.301.377	15.505.512.403

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Quản lý quỹ Dầu khí toàn cầu (1)	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty CP chứng khoán MHB-Hà Nội	134.140.000	5.719.327.862
Công ty CP chứng khoán Thăng Long	-	29.520.000
Tổng công ty CP bảo hiểm dầu khí Việt Nam	-	3.514.720.000
Công ty CP Phát triển hạ tầng Hà Nội (2)	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán TM và Công nghiệp Việt Nam	-	13.851.828.505
Ông Đỗ Trung Thiện	2.000.000.000	2.000.000.000
Cổ tức phải trả cổ đông	16.267.249.376	40.569.376
Công ty CP Chứng khoán Nam Việt	7.335.117.707	-
Phải trả các cá nhân tiền góp vốn hợp tác đầu tư (3)	44.097.150.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	351.761.756	288.840.165
	104.185.418.839	59.444.805.908

(1) Công ty Quản lý Quỹ Dầu khí toàn cầu chuyển cho Công ty 24 tỷ đồng theo Hợp đồng số 01/HANIC-GP.FUND FUND và Biên bản thống nhất ngày 16/05/2009 giữa Công ty và Công ty quản lý quỹ dầu khí toàn cầu (GP.FUND) về việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền tham gia góp 15% vốn đầu tư dự án xây dựng khu đô thị mới Tây Mỗ.

(2) Số tiền Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Hà Nội chuyển theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền tham gia dự án Trung tâm Thương mại dịch vụ và nhà ở Vạn Minh.

(3) Số phải trả các cá nhân hợp tác đầu tư dự án Thanh Hà.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**16.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh ngày 06/05/2011	
	'000VND	Số cổ phiếu
Vốn góp của cổ đông sáng lập	20.652.400	2.065.240
Công ty CP Công nghiệp Thương mại Sông Đà	27.600	2.760
Ông Đinh Hồng Long	10.000.000	1.000.000
Ông Đào Mạnh Kháng	3.400.800	340.080
Ông Phạm Hồng Hải	1.300.000	130.000
Bà Lương Thị Anh Hà	1.270.000	127.000
Ông Lưu Quang Minh	2.304.000	230.400
Ông Nguyễn Thanh Sơn	2.000.000	200.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	350.000	35.000
Vốn góp của cổ đông khác	303.881.200	30.388.120
	324.533.600	32.453.360

Trong năm 2011, Công ty tiến hành mua lại 20.000 cổ phiếu quỹ. Số cổ phiếu của Công ty lưu hành tại ngày 30/06/2011 là 31.623.360 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	324.533.600.000	87.020.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	237.513.600.000
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	324.533.600.000	324.533.600.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	16.226.680.000	14.793.400.000

16.3 CỔ PHIẾU

	30/06/2011	01/01/2011
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.453.360	32.453.360
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.453.360	32.453.360
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.453.360	32.453.360
Số lượng cổ phiếu được mua lại	830.000	810.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	830.000	810.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.623.360	31.643.360
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	31.623.360	31.643.360
Số lượng cổ phiếu quỹ	830.000	810.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 6, Tòa nhà Viglacera, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**16.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
01/01/2010	87.020.000.000	504.000.000	(238.601.444)	-	227.058.494	113.529.247	8.764.868.551	96.390.854.848
Tăng vốn trong năm trước	237.513.600.000	24.332.524.364	-	(12.501.070.000)	-	-	-	249.345.054.364
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-	34.441.061.966	34.441.061.966
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(14.793.400.000)	(14.793.400.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	982.720.000	491.360.000	(1.474.080.000)	-
Tăng/(Giảm) khác	-	-	238.601.444	-	-	-	(1.090.577.690)	(851.976.246)
31/12/2010	324.533.600.000	24.836.524.364	-	(12.501.070.000)	1.209.778.494	604.889.247	25.847.872.827	364.531.594.932
01/01/2011	324.533.600.000	24.836.524.364	-	(12.501.070.000)	1.209.778.494	604.889.247	25.847.872.827	364.531.594.932
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	(288.000.000)	-	-	-	(288.000.000)
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	-	-	11.078.654.759	11.078.654.759
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	2.661.634.685	1.663.521.678	(4.325.156.363)	-
(Giảm) khác (*)	-	-	-	-	-	-	(20.307.859.701)	(20.307.859.701)
30/06/2011	324.533.600.000	24.836.524.364	-	(12.789.070.000)	3.871.413.179	2.268.410.925	12.293.511.522	355.014.389.990

(*) Giảm lợi nhuận do:

+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành và phần cổ tức còn lại năm 2010 là 5% phải trả cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 số 01/NQ- ĐHĐCĐ/2011 ngày 19/4/2011 với số tiền lần lượt là 3.327.043.357 đồng, 300.000.000 đồng và 16.226.680.000 đồng.

+ Các khoản truy thu thuế và phạt thuế theo biên bản quyết toán thuế, số tiền là: 454.136.344 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	163.730.196.435	129.167.671.483
- Doanh thu bán hàng	156.509.758.711	94.735.998.264
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.220.437.724	34.431.673.219
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	163.730.196.435	129.167.671.483

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá vốn hàng bán	152.865.404.508	89.406.107.493
	152.865.404.508	89.406.107.493

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.452.582.866	1.833.574.342
Lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1.256.087.643	25.217.826.668
Cổ tức lợi nhuận được chia	392.107.900	912.897.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	31.753.606
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.127.319.956	173.366.889
	33.228.098.365	28.169.419.005

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí lãi vay	17.461.156.791	3.150.932.278
Lỗ đầu tư chứng khoán ngắn hạn	20.341.024.923	12.074.852.150
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	283.800	1.287.599.841
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư cổ phiếu	(436.320.222)	(1.391.246.533)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	17.435.726.215	-
Chi phí tài chính khác	1.458.200.039	3.484.147.224
	56.260.071.546	18.606.284.960

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 6, Tòa nhà Viglacera, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.128.350.800	958.499.835
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	117.438.200	83.142.380
Chi phí khấu hao TSCĐ	50.596.970	88.612.798
Chi phí thuế, phí, lệ phí	12.209.246	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.081.330.068	3.954.361.579
Chi phí bằng tiền khác	307.541.967	1.140.920.180
	2.697.467.251	6.225.536.772

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.855.057.808	1.490.119.872
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	445.387.711	340.298.215
Chi phí khấu hao TSCĐ	353.422.810	305.923.687
Chi phí thuế, phí, lệ phí	74.825.769	163.260.466
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	223.416.900	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	565.386.602	661.021.153
Chi phí bằng tiền khác	232.726.609	266.726.744
	3.750.224.209	3.227.350.137

23. THU NHẬP KHÁC

Là khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng đối với Công ty CP BETA Bộ Quốc phòng do chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, chi tiết trình bày tại thuyết minh số 6.

24. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND
Phạt vi phạm hợp đồng	1.200.000.000
Phạt chậm nộp thuế	880.000
	1.200.880.000

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.184.247.286	40.095.187.528
Các khoản điều chỉnh khôi thu nhập chịu thuế	392.107.900	912.897.500
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	392.107.900	912.897.500
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Điều chỉnh tăng chi phí tính thuế		
- Chi phí lãi vay đã tính thuế TNDN theo biên bản quyết toán thuế	3.780.956.985	-
Điều chỉnh giảm chi phí tính thuế	1.749.046.697	213.046.219
- Phạt hành chính	880.000	15.983.845
- Chi phí lãi vay vượt mức 1,5 lần lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà Nước quy định	1.677.007.632	197.062.374
- Chi phí khấu hao vượt mức quy định	71.159.065	-
Tổng thu nhập chịu thuế	12.760.229.098	39.395.336.247
Chi phí thuế TNDN ước tính theo thuế suất 25%	3.190.057.274	9.848.834.062
Chi phí thuế TNDN phải nộp thêm theo biên bản quyết toán thuế	915.535.253	-
Chi phí thuế TN doanh nghiệp hiện hành	4.105.592.527	9.848.834.062
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.105.592.527	9.848.834.062

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****26.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*****Giao dịch với các bên liên quan:***

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Vay bên liên quan		
<i>Vay ngắn hạn</i>		
Ông Đinh Hồng Long	10.550.000.000	12.150.000.000
Ông Lưu Quang Minh	1.950.000.000	-
<i>Nợ gốc vay đã trả</i>		
Ông Đinh Hồng Long	10.550.000.000	12.150.000.000
Ông Lưu Quang Minh	265.000.000	-
<i>Lãi vay</i>		
Ông Đinh Hồng Long	623.275.000	625.256.561
Ông Lưu Quang Minh	130.470.167	-
<i>Lãi vay đã trả</i>		
Ông Đinh Hồng Long	623.275.000	625.256.561
Cho vay bên liên quan		
<i>Vay ngắn hạn</i>		
Ông Lưu Quang Minh	-	588.316.000
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	887.000.000	-
<i>Nợ gốc vay đã trả</i>		
Ông Lưu Quang Minh	-	1.798.316.000
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	887.000.000	-
<i>Lãi vay</i>		
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	5.421.500	-
Giao dịch khác		
<i>Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam</i>		
Cho vay vốn lưu động	12.719.543.111	-
Thu hồi vốn lưu động	18.747.300.000	-
<i>Ông Nguyễn Thanh Sơn</i>		
Nhận tiền ứng trước mua cổ phần	-	1.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****26.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)***Số dư với các bên liên quan:*

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công nợ phải thu		
Công ty CP Cơ điện và Công trình	510.225.000	481.675.000
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	6.671.041.311	12.698.798.200
Vay ngắn hạn		
Ông Lưu Quang Minh	1.685.000.000	-
Nhận tiền ứng trước mua cổ phần		
Ông Nguyễn Thanh Sơn	-	1.500.000.000
26.2 SỐ LIỆU SO SÁNH		

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty đã được soát xét.

Lưu Quang Minh
Tổng Giám đốc*Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2011*

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng